

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Chủ tịch Công ty	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty con của Mirae Asset Global Investments Co., Ltd, một đơn vị được thành lập tại Hàn Quốc. Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 36/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) cấp ngày 02 tháng 07 năm 2008. Trong năm 2018, các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của họ trong Công ty cho Mirae Asset Global Investments Co., Ltd. Vào ngày 20 tháng 08 năm 2018, UBCK đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-UBCK về việc thay đổi tên, địa điểm trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của Công ty và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn. Hiện tại, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102811624 của Công ty được điều chỉnh đến lần thứ 2 vào ngày 23 tháng 12 năm 2021.

Một số thông tin về Công ty tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau:

Mã số doanh nghiệp	0102811624
Tên doanh nghiệp	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
Địa chỉ trụ sở chính	Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán
Vốn điều lệ	26.000.000.000 đồng
Chủ sở hữu	Mirae Asset Global Investments Co., Ltd

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huh Hong Suk	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 05 năm 2018
------------------	----------	------------------------------------

KIỂM SOÁT VIÊN

Kiểm soát viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Kim Jun Ho	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 05 năm 2018
Ông Kang Sang Sin	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2022 Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Soh Jin Wook	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2021
------------------	---------------	------------------------------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Huh Hong Suk – Chức danh: Chủ tịch và Ông Soh Jin Wook – Chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Chủ tịch Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Chủ tịch Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Theo ý kiến của Chủ tịch Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Huh Hong Suk
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Số tham chiếu: 61520673/22986858

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023 và được trình bày từ trang 05 đến trang 31 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		65.758.931.433	69.582.703.726
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	8.170.853.341	6.468.606.752
111	1. Tiền		1.810.853.341	6.468.606.752
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.360.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	47.492.603.100	53.204.991.903
121	1. Đầu tư ngắn hạn		48.718.946.930	53.204.991.903
129	2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn		(1.226.343.830)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.556.073.863	8.200.680.592
132	1. Trả trước cho người bán		474.552.000	15.228.000
134	2. Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	7	7.027.527.921	7.156.353.778
135	3. Các khoản phải thu khác	8	1.053.993.942	1.029.098.814
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.539.401.129	1.708.424.479
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.539.401.129	1.708.424.479
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.473.307.701	6.529.271.458
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		775.659.943	791.659.943
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	775.659.943	791.659.943
220	II. Tài sản cố định		-	-
227	1. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		100.000.000	100.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(100.000.000)	(100.000.000)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6	15.200.000.000	5.000.000.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		15.200.000.000	5.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		497.647.758	737.611.515
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	497.647.758	737.611.515
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		82.232.239.134	76.111.975.184
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.637.185.155	3.775.589.632
310	I. Nợ ngắn hạn		2.637.185.155	3.775.589.632
312	1. Phải trả người bán		301.460.752	447.251.607
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	2.335.724.403	3.328.338.025
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	12	79.595.053.979	72.336.385.552
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.000.000.000	26.000.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.918.115.150	6.918.115.150
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		1.224.533.000	1.224.533.000
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.224.533.000	1.224.533.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		44.227.872.829	36.969.204.402
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		82.232.239.134	76.111.975.184

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
030	1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	13	34.480.413.271	35.183.693.637
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		27.665.451.129	26.750.269.672
032	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		6.814.962.142	8.433.423.965
040	2. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (*)	14	206.379.435.782	1.254.740.224.844
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		206.379.435.782	26.379.427.544
042	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		-	1.228.360.797.300
050	3. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (*)	15	133.640.299.500	-
051	4. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác (*)	16	201.314.115	152.489.426

(*) Theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC, các khoản tiền gửi, chứng khoán, danh mục đầu tư và các khoản phải thu, phải trả của nhà đầu tư ủy thác và vốn nhận của người ủy thác đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ theo dõi và hạch toán ngoại bảng.

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
 Kế toán trưởng

Phê duyệt:



Ông Huh Hong Suk
 Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	17	40.564.706.051	59.604.187.136
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		40.564.706.051	59.604.187.136
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18	(10.852.239.502)	(8.499.072.767)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		29.712.466.549	51.105.114.369
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	3.075.676.112	2.229.991.897
22	7. Chi phí tài chính	20	(1.361.167.730)	(197.465.063)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(22.304.621.539)	(25.291.778.756)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.122.353.392	27.845.862.447
31	10. Thu nhập khác		-	-
32	11. Chi phí khác		-	-
40	12. Lợi nhuận khác		-	-
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.122.353.392	27.845.862.447
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	22	(1.863.684.965)	(5.594.440.402)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		7.258.668.427	22.251.422.045

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
Kế toán trưởng

Phê duyệt:



Ông Huh Hong Suk
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động quản lý quỹ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		40.726.171.284	58.176.041.973
02	Tiền chi trả cho hoạt động quản lý quỹ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(11.886.997.745)	(11.171.182.897)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(15.301.686.764)	(17.037.659.714)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(1.983.174.340)	(5.521.101.527)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		101.724.590	103.231.736
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.053.271.262)	(5.743.094.317)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.602.765.763	18.806.235.254
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(44.360.821.918)	(64.000.000.000)
24	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		59.175.820.290	56.180.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(20.200.000.000)	(11.821.380.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	549.540
27	Tiền thu lãi và cổ tức được chia		2.484.482.454	1.554.315.950
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.900.519.174)	(18.086.514.510)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.702.246.589	719.720.744
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.468.606.752	5.748.886.008
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	8.170.853.341	6.468.606.752

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Phê duyệt:



Ông Huh Hong Suk
Chủ tịch

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

B05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số dư cuối năm	
		01/01/2021 VND	01/01/2022 VND	Năm trước		Năm nay		31/12/2021 VND	31/12/2022 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12	26.000.000.000	26.000.000.000	-	-	-	-	26.000.000.000	26.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	12	6.918.115.150	6.918.115.150	-	-	-	-	6.918.115.150	6.918.115.150
3. Quỹ dự phòng tài chính	12	1.224.533.000	1.224.533.000	-	-	-	-	1.224.533.000	1.224.533.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	12	1.224.533.000	1.224.533.000	-	-	-	-	1.224.533.000	1.224.533.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12	14.717.782.357	36.969.204.402	22.251.422.045	-	7.258.668.427	-	36.969.204.402	44.227.872.829
TỔNG CỘNG		50.084.963.507	72.336.385.552	22.251.422.045	-	7.258.668.427	-	72.336.385.552	79.595.053.979

Người lập:



Bà Vũ Thị Thủy Lụa
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023



Ông Huỳnh Hồng Suk
Chủ tịch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty con của Mirae Asset Global Investments Co., Ltd (“Công ty mẹ”), một đơn vị được thành lập tại Hàn Quốc. Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 36/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) cấp ngày 02 tháng 07 năm 2008. Trong năm 2018 các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của họ trong Công ty cho Mirae Asset Global Investments Co., Ltd. Vào ngày 20 tháng 08 năm 2018, UBCK đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-UBCK về việc thay đổi tên, địa điểm trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của Công ty và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn. Hiện tại, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102811624 của Công ty được điều chỉnh đến lần thứ 2 vào ngày 23 tháng 12 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 28 người (31 tháng 12 năm 2021: 25 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Chủ tịch Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoại trừ những thay đổi sau trong chính sách kế toán.

Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114")

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114"). Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

- Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để chỉnh bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Thông tư số 24/2022/TT-BTC (“Thông tư số 24”) ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC (“Thông tư số 48”) ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư số 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng đã bao gồm trong khoản mục “Tiền và các khoản tương đương tiền” và các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ kế toán tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 (“Thông tư 48”) và Thông tư số 24/2022/TT-BTC (“Thông tư số 24”) ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48 của Bộ Tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính theo công thức sau:

Mức trích dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Giá trị khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính	-	Số lượng chứng khoán doanh nghiệp đang sở hữu tại thời điểm lập báo cáo tài chính	X	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	--	---	---	---	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định trên.

Trường hợp tại ngày trích lập dự phòng, chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định trên.

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì doanh nghiệp xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo quy định trên.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì doanh nghiệp không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hao mòn

Hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
-------------------	-----------

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.8 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9 Phân phối lợi nhuận

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam) là công ty con 100% vốn chủ sở hữu của Mirae Asset Global Investments Co., Ltd (“Công ty mẹ”). Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty, sau khi trích lập các quỹ theo quy định, được chuyển về Công ty mẹ theo quyết định của Công ty mẹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục ủy thác đầu tư, phí tư vấn đầu tư được tính toán theo các điều khoản của hợp đồng quản lý, tư vấn trên cơ sở dồn tích.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày cuối năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ: tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày cuối năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày cuối năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 125") không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số dư bằng không.

4.13 Các quỹ

Năm 2021 trở về trước Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (*)	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

(*) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, số liệu này của quỹ được trình bày trong mục "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán tuân thủ với các yêu cầu về trình bày của Thông tư 125.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Các quỹ (tiếp theo)

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận giữ lại theo sự phê duyệt của Chủ sở hữu của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận giữ lại theo sự phê duyệt của Chủ sở hữu của Công ty để hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Căn cứ thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, từ năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo sự phê duyệt của Chủ sở hữu của Công ty. Công ty sẽ xử lý số dư các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo Thông tư số 114/2021/TT-BTC.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Tiền mặt	35.614.118	19.386.120
Tiền gửi ngân hàng	1.775.239.223	6.449.220.632
- Bằng VND	1.775.239.223	6.449.220.632
Các khoản tương đương tiền (*)	6.360.000.000	-
	8.170.853.341	6.468.606.752

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn còn lại dưới ba (03) tháng và được hưởng lãi suất 5,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.718.946.930	53.204.991.903
Tiền gửi ngắn hạn	26.860.000.000	40.441.544.973
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	-	3.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	-	18.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	8.000.000.000	19.441.544.973
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu</i>	8.860.000.000	-
<i>Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)</i>	10.000.000.000	-
Cổ phiếu	1.858.946.930	2.763.446.930
<i>Trong đó, cổ phiếu bị giảm giá:</i>		
- VTP	1.858.946.930	1.858.946.930
Chứng chỉ quỹ	20.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	15.200.000.000	5.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)</i>	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.200.000.000	-
	<u>63.918.946.930</u>	<u>58.204.991.903</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn còn lại từ bốn (04) đến dưới mười một (11) tháng và được hưởng lãi suất từ 5,1%/năm đến 10%/năm, chứng chỉ tiền gửi dài hạn có kỳ hạn còn lại dưới năm (05) tháng và được hưởng lãi suất 5,4%/năm.

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục ủy thác đầu tư	5.750.951.326	107.668.588
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (i)	1.199.374.615	1.964.408.942
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	77.201.980	1.416.095.467
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác (ii)	-	3.668.180.781
	<u>7.027.527.921</u>	<u>7.156.353.778</u>

(i) Theo quy định tại Điều lệ Quỹ, phí quản lý của Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam ("MAGEF"), Quỹ ETF MAFM VN30, Quỹ đầu tư trái phiếu linh hoạt Mirae Asset Việt Nam ("MAFF") và Quỹ đầu tư cơ hội Mirae Asset Việt Nam ("MAOF") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được tính lần lượt bằng 1,75%, 0,60%, 0,80% và 0,80% giá trị tài sản ròng trung bình của quỹ trong năm.

(ii) Đây là các khoản phải thu từ MAGI Global (Công ty mẹ) cho việc cung cấp dịch vụ quản lý phụ danh mục đầu tư cho các Quỹ của Công ty mẹ tại Việt Nam. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đã phân loại lại hoạt động quản lý phụ danh mục đầu tư cho Công ty mẹ vào hoạt động quản lý danh mục ủy thác đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.033.338.771	1.021.619.494
Các khoản phải thu khác	20.655.171	7.479.320
	<u>1.053.993.942</u>	<u>1.029.098.814</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>		
Chi phí thuê nhà trả trước	523.944.326	779.456.121
Học phí	1.009.851.460	746.310.078
Phí sử dụng dịch vụ	-	176.358.833
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.605.343	6.299.447
	<u>1.539.401.129</u>	<u>1.708.424.479</u>
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>		
Chi phí máy móc, thiết bị	425.874.166	664.213.078
Chi phí phần mềm	26.004.292	38.004.532
Chi phí trả trước dài hạn khác	45.769.300	35.393.905
	<u>497.647.758</u>	<u>737.611.515</u>
Tổng cộng	<u>2.037.048.887</u>	<u>2.446.035.994</u>

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Đặt cọc tiền thuê (*)	765.659.943	781.659.943
Phải thu dài hạn khác	10.000.000	10.000.000
	<u>775.659.943</u>	<u>791.659.943</u>

(*) Bao gồm các khoản đặt cọc 693.659.943 VND thuê văn phòng và 72.000.000 VND phí đặt cọc thuê xe ô tô.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	311.852.728	1.863.684.965	(1.983.174.340)	192.363.353
Thuế thu nhập cá nhân	3.012.453.067	4.398.942.582	(5.271.946.016)	2.139.449.633
Thuế giá trị gia tăng	4.032.230	7.611.872	(7.732.685)	3.911.417
	<u>3.328.338.025</u>	<u>6.270.239.419</u>	<u>(7.262.853.041)</u>	<u>2.335.724.403</u>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021	26.000.000.000	6.918.115.150	1.224.533.000	1.224.533.000	14.717.782.357	50.084.963.507
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	22.251.422.045	22.251.422.045
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	26.000.000.000	6.918.115.150	1.224.533.000	1.224.533.000	36.969.204.402	72.336.385.552
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	7.258.668.427	7.258.668.427
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	26.000.000.000	6.918.115.150	1.224.533.000	1.224.533.000	44.227.872.829	79.595.053.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

13.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		
Số dư đầu năm	26.750.269.672	26.777.163.153
Số tăng trong năm	53.489.107	53.527.551
Số giảm trong năm	(59.910.525)	(80.421.032)
Số dư cuối năm	26.743.848.254	26.750.269.672

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Vũ Ngọc Diệp Linh		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	127.263.158.362	-
Số giảm trong năm	(126.616.583.375)	-
Số dư cuối năm	646.574.987	-

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Trần Đỗ Thịnh Trung		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	27.876.690.174	-
Số giảm trong năm	(27.736.090.496)	-
Số dư cuối năm	140.599.678	-

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Nguyễn Duy Quốc		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	26.664.660.074	-
Số giảm trong năm	(26.530.231.864)	-
Số dư cuối năm	134.428.210	-

13.2 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Mirae Asset – Naver Asia Growth Investment Pte. Ltd		
Số dư đầu năm	8.433.423.965	-
Số tăng trong năm	-	1.237.487.723.655
Số giảm trong năm	(1.618.461.823)	(1.229.054.299.690)
Số dư cuối năm	6.814.962.142	8.433.423.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Cổ phiếu		
- Cổ phiếu niêm yết	1.379.435.782	1.379.427.544
<i>Trong đó, cổ phiếu bị giảm giá:</i>		
+ PVD	43.802	43.802
- Cổ phiếu chưa niêm yết	25.000.000.000	25.000.000.000
- Trái phiếu	180.000.000.000	-
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	1.228.360.797.300
	206.379.435.782	1.254.740.224.844

15. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Phải thu từ giao dịch bán chứng khoán	128.832.080.320	-
Phải thu từ lãi trái phiếu	4.808.219.180	-
	133.640.299.500	-

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Phải trả phí quản lý danh mục	106.144.976	107.668.588
Phải trả phí lưu ký cố định	91.826.464	44.216.658
Phải trả phí lưu ký cho VSD	3.331.675	260.812
Phí khác phải trả	11.000	343.368
	201.314.115	152.489.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Năm 2022</i> <u>VND</u>	<i>Năm 2021</i> <u>VND</u>
Doanh thu hoạt động quản lý phụ danh mục đầu tư	20.407.617.499	708.932.996
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư của MAGI Global (**)</i>	18.310.072.329	-
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	465.683.479	2.115.390.015
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	18.748.714.724	16.823.239.575
Phí thường hoạt động (*)	-	12.898.474.144
Doanh thu khác	942.690.349	27.058.150.406
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu phí mua lại chứng chỉ quỹ</i>	821.389.341	82.432.269
- <i>Doanh thu phí phát hành chứng chỉ quỹ</i>	121.301.008	241.942.960
- <i>Doanh thu từ hoạt động quản lý phụ danh mục đầu tư của MAGI Global (**)</i>	-	26.733.775.177
	<u>40.564.706.051</u>	<u>59.604.187.136</u>

(*) Phí thường hoạt động khi Công ty mẹ rút Quỹ Mirae Asset Global Vietnam Privately-Placed Investment Trust No. 1 tại Việt Nam.

(**) Năm 2022, Công ty đã phân loại lại hoạt động quản lý phụ danh mục đầu tư của MAGI Global vào hoạt động quản lý danh mục ủy thác đầu tư.

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Năm 2022</i> <u>VND</u>	<i>Năm 2021</i> <u>VND</u>
Chi phí lương và các khoản liên quan đến lương	7.191.324.618	5.570.399.215
Chi phí công cụ dụng cụ	193.658.151	189.636.006
Chi phí duy trì tài khoản tại Đại lý phân phối quỹ MAGEF	1.761.213.781	1.683.458.689
Chi phí khác	1.706.042.952	1.055.578.857
	<u>10.852.239.502</u>	<u>8.499.072.767</u>

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2022</i> <u>VND</u>	<i>Năm 2021</i> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.564.483.531	1.980.579.152
Lãi trái phiếu	-	141.041.093
Lãi bán tài sản tài chính	229.500.000	34.485
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	246.153.081	108.333.167
Doanh thu hoạt động tài chính khác	35.539.500	4.000
	<u>3.075.676.112</u>	<u>2.229.991.897</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2022</i> <u>VND</u>	<i>Năm 2021</i> <u>VND</u>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.226.343.830	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	24.450
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	133.025.993	197.327.143
Phí lưu ký chuyển nhượng từ hoạt động đầu tư	1.797.907	113.470
	<u>1.361.167.730</u>	<u>197.465.063</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm 2022</i> <u>VND</u>	<i>Năm 2021</i> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	16.473.358.198	20.593.374.174
Chi phí công cụ, dụng cụ	203.864.211	204.152.826
Thuế, lệ phí	11.670.900	4.262.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.612.627.566	4.056.711.036
Chi phí khác	1.003.100.664	433.278.720
	<u>22.304.621.539</u>	<u>25.291.778.756</u>

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty cho năm 2022 là 20% thu nhập chịu thuế (năm 2021: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<i>Năm 2022</i> <u>VND</u>	<i>Năm 2021</i> <u>VND</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.863.684.965</u>	<u>5.594.440.402</u>

Dưới đây là bảng đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Năm 2022</i> <u>VND</u>	<i>Năm 2021</i> <u>VND</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.122.353.392	27.845.862.447
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.824.470.678	5.569.172.489
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Chi phí không được khấu trừ thuế	46.322.187	25.267.913
Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Cổ tức được nhận	<u>(7.107.900)</u>	-
Chi phí thuế TNDN	<u>1.863.684.965</u>	<u>5.594.440.402</u>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mirae Asset Global Investments Co., Ltd	Công ty mẹ	Phí quản lý phụ danh mục đầu tư	18.161.168.660	26.733.775.177
Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	Công ty cùng trong tập đoàn	Phí thường hoạt động	-	12.898.474.144
Mirae Asset - Naver Asia Growth Investment Pte. Ltd	Công ty cùng trong Tập đoàn	Mua chứng chỉ tiền gửi	15.000.000.000	5.000.000.000
Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam	Quỹ được quản lý	Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	1.067.991.473	649.017.046
Quỹ ETF MAFM VN30	Quỹ được quản lý	Phí quản lý	10.823.543.378	13.147.021.497
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam	Quỹ được quản lý	Phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	942.690.349	323.525.221
Quỹ Đầu tư Cơ hội Mirae Asset Việt Nam	Quỹ được quản lý	Phí quản lý	3.624.631.658	3.348.427.699
		Phí quản lý	4.118.575.950	327.790.379
			181.963.738	-

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư trọng yếu của Công ty với các bên liên quan vào ngày kết thúc năm tài chính như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Mirae Asset Global Investments Co., Ltd	Công ty mẹ	Phải thu từ hoạt động tư vấn danh mục đầu tư	5.608.975.993	3.668.180.781
Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	Công ty cùng trong Tập đoàn	Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	475.479.454	56.958.904
Mirae Asset - Naver Asia Growth Investment Pte. Ltd	Công ty cùng trong Tập đoàn	Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	92.438.262
Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Mirae Asset Việt Nam	Quỹ được quản lý	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	554.778.943	1.354.273.903
Quỹ ETF MAFM VN30	Quỹ được quản lý	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	184.590.971	348.669.094
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam	Quỹ được quản lý	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	425.141.738	261.465.945
Quỹ Đầu tư Cơ hội Mirae Asset Việt Nam	Quỹ được quản lý	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	34.862.963	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Chủ tịch, Tổng Giám đốc và Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ trong năm như sau:

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thu nhập của Chủ tịch, Tổng Giám đốc và Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ	<u>13.723.622.360</u>	<u>11.069.423.475</u>

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>31/12/2022</i>	<i>31/12/2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Dưới 1 năm	2.750.710.150	2.357.749.467
Từ 1 đến 5 năm	<u>7.451.898.038</u>	<u>523.944.326</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.202.608.188</u>	<u>2.881.693.793</u>

25. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kiểm soát nội bộ và Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Chủ tịch phê duyệt.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ban Lãnh đạo Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty phải đối mặt với những rủi ro thanh toán khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và các khoản phải thu khách hàng.

Mức độ rủi ro tín dụng tại ngày báo cáo như sau:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Tổng cộng VND
		< 90 ngày VND	91 - 180 ngày VND	180 - 210 ngày VND	> 210 ngày VND	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	8.170.853.341	-	-	-	-	8.170.853.341
Đầu tư tài chính ngắn hạn – tiền gửi có kỳ hạn	16.860.000.000	-	-	-	-	16.860.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn – tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	-	-	-	-	15.000.000.000
Chứng chỉ quỹ	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7.027.527.921	-	-	-	-	7.027.527.921
Phải thu ngắn hạn khác	1.053.993.942	-	-	-	-	1.053.993.942
Đầu tư dài hạn khác	10.200.000.000					10.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	775.659.943	-	-	-	-	775.659.943
Tổng cộng	79.088.035.147	-	-	-	-	79.088.035.147
Ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	6.468.606.752	-	-	-	-	6.468.606.752
Đầu tư tài chính ngắn hạn – tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	40.441.544.973	-	-	-	-	40.441.544.973
Trái phiếu	10.000.000.000	-	-	-	-	10.000.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7.156.353.778	-	-	-	-	7.156.353.778
Phải thu ngắn hạn khác	1.029.098.814	-	-	-	-	1.029.098.814
Phải thu dài hạn khác	791.659.943	-	-	-	-	791.659.943
Tổng cộng	65.887.264.260	-	-	-	-	65.887.264.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị tụt hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5* và *Thuyết minh số 6*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Công ty cố gắng chọn lọc những khách hàng có lịch sử tín dụng tốt.

Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá. Ban Lãnh đạo tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Không kỳ hạn</i> VND	<i>Dưới 1 năm</i> VND	<i>Từ 1 - 5 năm</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Phải trả người bán	-	301.460.752	-	301.460.752
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	<u>2.335.724.403</u>	-	<u>2.335.724.403</u>
	-	<u>2.637.185.155</u>	-	<u>2.637.185.155</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Phải trả người bán	-	447.251.607	-	447.251.607
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	<u>3.328.338.025</u>	-	<u>3.328.338.025</u>
	-	<u>3.775.589.632</u>	-	<u>3.775.589.632</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá cổ phiếu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do các hợp đồng tiền gửi trong năm đều có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái.

Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái từ các giao dịch tiền gửi ngắn hạn bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do công ty đánh giá rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Chủ tịch Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 632.603.100 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.888.867.100 đồng). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:



Bà Vũ Thị Thúy Lụa
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Phê duyệt:



Ông Muñ Hồng Suk
Chủ tịch

